TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2025/DS-PT
Ngày 08 - 9 - 2025

V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Sâm

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Hiệp

Ông Nguyễn Tử Lượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Thanh Mơ - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2025/TLPT- DS ngày 11 tháng 6 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 18/2024/DS-ST ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Ninh Bình) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2025/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 32/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 7 năn 2025; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 43/2025/QĐ-PT ngày 19 tháng 8 năn 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Quỹ tín dụng nhân dân TA**; Địa chỉ: thôn ĐL, xã NN, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, (nay là thôn ĐL, phường HL, tỉnh Ninh Bình).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Ngô Thị Thu Ph - Chức vụ: Thành viên hội đồng quản trị; là người đại diện theo ủy quyền, (văn bản ủy quyền ngày 16/5/2024). (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: **Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1983 và ông Vũ TA, sinh 1976**; Cùng địa chỉ: phố TN, thị trấn Thiên Tôn, huyện HL, tỉnh Ninh Bình (nay là phố TN, phường HL, tỉnh Ninh Bình), (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người kháng cáo: bị đơn bà Nguyễn Thị B và ông Vũ TA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/5/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 17/3/2023 Quỹ tín dụng nhân dân TA (viết tắt là Quỹ tín dụng TA) và bà Nguyễn Thị B, ông Vũ TA ký Hợp đồng tín dụng từng lần số 5912/HĐTD và Giấy nhận nợ về việc cho vay hạn mức. Theo đó Quỹ tín dụng TA cho vợ chồng bà B, ông TA vay số tiền là 300.000.000 đồng, thời hạn 01 năm, kể từ ngày 17/3/2023 đến 17/3/2024, mục đích sử dụng vốn vay là sửa chữa nhà ở, mức lãi suất tại thời điểm vay là 14,2%/năm, mức lãi suất có điều chỉnh và được tự động điều chỉnh tăng hoặc giảm theo thông báo của bên cho vay tại từng thời điểm, lãi suất nợ quá hạn là 21,3%/năm. Theo thỏa thuận vợ chồng bà B, ông TA phải trả nợ gốc 01 lần vào ngày đến hạn là ngày 17/3/2024; Việc trả lãi được tính trên mỗi kỳ (1 tháng). Nếu bên vay không thanh toán các khoản nợ đầy đủ đúng hạn, thì số tiền vay sẽ chuyển nợ gốc quá hạn, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Ngày 17/3/2024 Quỹ tín dụng TA đã giải ngân số tiền là 300.000.000 đồng cho vợ chồng bà B, ông TA. Thực hiện hợp đồng, vợ chồng bà B đã trả lãi theo thỏa thuận đến ngày 25/11/2023, trả gốc số tiền 148.100 đồng, còn nợ gốc là 299.851.900 đồng.

Ngày 09/10/2023 Quỹ tín dụng nhân dân TA và vợ chồng bà Nguyễn Thị B, ông Vũ TA lại tiếp tục ký Hợp đồng tín dụng từng lần số 6237/HĐTD và Giấy nhận nợ về việc cho vay hạn mức. Theo đó Quỹ tín dụng TA cho bà B, ông TA vay số tiền là 500.000.000 đồng trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày 09/10/2023 đến 09/10/2024, mục đích sử dụng vốn vay là sửa chữa nhà ở, mức lãi suất tại thời điểm vay là 11,4%/năm, mức lãi suất có điều chỉnh và được tự động điều chỉnh tăng hoặc giảm theo thông báo của bên cho vay tại từng thời điểm, lãi suất nợ quá hạn là 17,1%/năm. Theo thỏa thuận vợ chồng bà B, ông TA phải trả nợ gốc 01 lần vào ngày đến hạn là ngày 09/10/2024; Việc trả lãi được tính trên mỗi kỳ (1 tháng), chậm nhất vào ngày 09 dương lịch hàng tháng. Nếu bên vay không thanh toán các khoản nợ đầy đủ đúng hạn thì số tiền vay sẽ chuyển nợ gốc quá hạn, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Ngày 09/10/2024 Quỹ tín dụng TA đã tiến hành giải ngân số tiền 500.000.000 đồng cho vợ chồng bà B. Thực hiện hợp đồng vợ

chồng bà B đã trả lãi theo thỏa thuận đến ngày 11/12/2023, trả gốc số tiền 2.700 đồng, còn nợ gốc 499.997.300 đồng.

Biện pháp bảo đảm cho hai khoản vay trên được căn cứ vào Hợp đồng thế chấp bất động sản số 4174/HĐTC ngày 28/02/2020 giữa vợ chồng bà B, ông TA với Quỹ tín dụng TA. Theo đó bà B và ông TA đồng ý dùng tài sản của vợ chồng là diện tích đất 93m^2 tại thửa đất số 341, tờ bản đồ số 41, địa chỉ: tại khu dân cư Trình Ngư, thị trấn TT, huyện HL, tỉnh Ninh B cùng toàn bộ tài sản trên đất là ngôi nhà 03 tầng, cùng công trình phụ khép kín; đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 856037 ngày 05/12/2019 mang tên ông Vũ TA và bà Nguyễn Thị B, để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ bao gồm nợ gốc, nợ lãi vay trong hạn, lãi quá hạn và các khoản phí (nếu có) theo các hợp đồng vay vốn còn dư nợ và các hợp đồng vay vốn mới phát sinh (nếu có) giữa bà B, ông TA với Quỹ tín dụng TA. Hợp đồng đã được Công chứng và đăng ký thế chấp theo quy định pháp luật.

Hợp đồng tín dụng số 5912 hết hạn vào ngày 17/3/2024 nên Quỹ tín dụng TA đồng thời thu hồi nợ gốc trước hạn đối với Hợp đồng số 6237 ngày 09/10/2023, ông TA và bà B phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Quỹ tín dụng TA nhiều lần gọi điện thông báo và gửi thông báo thu nợ gốc + lãi của hai hợp đồng trên, tuy nhiên vẫn không nhận được sự hợp tác từ phía ông TA và bà B.

Do đó, Quỹ tín dụng TA đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc vợ chồng ông Vũ TA và bà Nguyễn Thị B phải trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 5912/HĐTD ngày 17/3/2023 với số tiền là 350.099.025 đồng, trong đó: tiền gốc là 299.851.900 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 11/12/2024 là 50.247.125 đồng, (lãi trong hạn 37.537.761 đồng, lãi quá hạn 12.715.364 đồng).

- Buộc vợ chồng ông Vũ TA bà Nguyễn Thị B phải trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 6237/HĐTD ngày 09/10/2023 với số tiền là 567.684.630 đồng, trong đó: nợ gốc là 499.997.300 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 11/12/2024 là 67.687.330 đồng, (lãi trong hạn 56.410.678 đồng, lãi quá hạn 11.276.652 đồng).

Tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi của hai Hợp đồng là 917.783.655 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 799.849.200 đồng, tiền lãi là 117.934.455 đồng.

Buộc ông TA và bà B phải tiếp tục trả lãi và tính lãi phát sinh từ ngày 12/12/2024 cho đến khi trả hết nợ theo thỏa thuận trong các hợp đồng vay vốn đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán.

Trường hợp ông TA và bà B không trả được nợ gốc và lãi cho Quỹ tín dụng TA, thì Quỹ tín dụng TA có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án xử lý tài

sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 4174/HĐTC ký ngày 28/02/2020 để thu hồi nợ.

Tại bản tự khai ngày 18/7/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị B và ông Vũ TA trình bày: Vợ chồng bà B và ông TA có ký kết Hợp đồng vay tại Quỹ tín dụng nhân dân TA hai lần, cụ thể:

Ngày 17/3/2023 vay số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 14,2%/năm, mục đích vay để sửa chữa nhà ở.

Ngày 09/10/2023 vợ chồng bà B lại ký hợp đồng vay thêm số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 11,4%/năm, mục đích vay để sửa chữa nhà ở. Tài sản bảo đảm cho hai hợp đồng khoản vay trên là thửa đất số 341, tờ bản đồ số 41, diện tích 93m^2, địa chỉ thửa đất: ở khu dân cư Trình Ngư, thị trấn TT, huyện HL, tỉnh Ninh Bình. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 856037 ngày 05/12/2019 mang tên ông Vũ TA và bà Nguyễn Thị B và toàn bộ tài sản trên đất. Nay Quỹ tín dụng TA yêu cầu vợ chồng bà B, ông TA phải thực hiện hợp đồng tín dụng đã ký kết với Quỹ tín dụng TA. Quan điểm và phương án trả nợ của bà B, ông TA như sau: ngày 27/9/2024 vợ chồng bà B, ông TA sẽ thu xếp trả toàn bộ nợ gốc và lãi cho Quỹ tín dụng TA. Nếu không thực hiện được thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản án sơ thẩm số 18/2024/DS-ST ngày 11/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 Ninh Bình) đã quyết định: Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân TA về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với bà Nguyễn Thị B và ông Vũ TA.

2. Buộc bà Nguyễn Thị B và ông Vũ TA phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân TA toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến hết ngày 11/12/2024 là 917.783.655 đồng (Chín trăm mười bảy triệu, bảy trăm tám mươi ba nghìn, sáu trăm năm mươi lăm đồng), trong đó: nợ gốc là 799.849.200 đồng, nợ lãi 117.934.455 đồng.

3. Kể từ ngày 12/12/2024 bà Nguyễn Thị B và ông Vũ TA còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền dư nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 5912/HĐTD ngày 17/03/2023 và Hợp

đồng tín dụng số 6237/HĐTD ngày 09/10/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp các bên có thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng về việc điều chỉnh lãi suất vay theo từng thời kỳ của bên cho vay thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho bên cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của bên cho vay.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Nguyễn Thị B và ông Vũ TA không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ số tiền trên và lãi phát sinh thì Quỹ tín dụng nhân dân TA được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 4174/HĐTC ngày 28/02/2020 số Công chứng 306, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/02/2020 tại Văn phòng Công chứng Quang Linh, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình; Hợp đồng sửa đổi hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/SĐHĐTC ngày 05/08/2022 và hợp đồng sửa đổi hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/SĐHĐTC ngày 15/09/2022 và đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Ninh Bình ngày 28/02/2020. Tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất diện tích 93,0m^2 đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 341, tờ bản đồ số 41, địa chỉ khu dân cư Trình Ngư, phố TN, thị trấn Thiên Tôn, huyện HL, tỉnh Ninh Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 856037 ngày 05/12/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Bình cấp mang tên ông Vũ TA và bà Nguyễn Thị B. Tài sản bảo đảm được xử lý theo diện tích và kích thước thực tế tại thời điểm xử lý tài sản bảo đảm. (kèm theo quyết định sửa chữa, bổ sung bản án).

5. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị B và ông Vũ TA phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 40.711.000 đồng (Bốn mươi triệu, bảy trăm mười một nghìn đồng).

- Trả lại Quỹ tín dụng nhân dân TA số tiền tạm ứng án phí là 18.600.000 đồng (Mười tám triệu, sáu trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000291 ngày 23/05/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/12/2024 bị đơn bà Nguyễn Thị B và ông Vũ TA có đơn kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm số 18/2024/DS-ST ngày 11/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Ninh Bình). Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo: do kinh tế gia đình khó khăn không đủ điều kiện trả lãi. Bà B, ông TA chấp nhận trả nợ dần số tiền gốc là 800.000.000 đồng, còn số tiền lãi là 117.934.455 đồng xin được miễn giảm. Nếu không gia đình xin trả trước số tiền 400.000.000 đồng, số tiền còn lại gia đình xin được trả dần và tính lãi theo ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: đại diện nguyên đơn và bị đơn bà B, ông TA đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án: sau khi phân tích các tình tiết vụ án, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 18/2024/DS-ST ngày 11/12/2024 và quyết định số 03/2025- SCBSQĐ ngày 03/7/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Ninh Bình); Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị B và ông Vũ TA được làm trong thời hạn luật định; hình thức, nội dung đơn kháng cáo, đúng theo quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy đơn kháng cáo của bị đơn hợp lệ, nên được xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[1.2]. Về phạm vi xét xử phúc thẩm: bị đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Do đó, căn cứ vào Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại phần bản án sơ thẩm theo nội dung đơn kháng cáo của người kháng cáo.

[1.3]. Về sự tham gia tố tụng của các đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt, đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

[2.1]. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

- Ngày 17/3/2023 Quỹ tín dụng nhân dân TA (Quỹ tín dụng TA) và vợ chồng ông Vũ TA, bà Nguyễn Thị B ký Hợp đồng tín dụng số 5912/HĐTDTL vay số tiền là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), mục đích vay là để sửa chữa nhà ở, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 14,2%/năm, mức lãi suất có điều chỉnh và được tự động điều chỉnh tăng hoặc giảm theo thông báo của bên cho vay tại từng thời điểm, việc trả lãi được tính trên mỗi kỳ (1 tháng). Nếu bên vay không thanh toán các khoản nợ đầy đủ đúng hạn thì số tiền vay sẽ chuyển nợ gốc quá hạn, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

- Ngày 09/10/2023 Quỹ tín dụng TA và bà Nguyễn Thị B, ông Vũ TA tiếp tục ký Hợp đồng tín dụng từng lần số 6237/HĐTD vay số tiền là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), thời hạn 12 tháng, mục đích vay là sửa chữa nhà ở, lãi suất vay là 11,4%/năm, mức lãi suất có điều chỉnh và được tự động điều chỉnh tăng hoặc giảm theo thông báo của bên cho vay tại từng thời điểm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho 2 khoản vay trên, ông TA và bà B có ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 4174/HĐTC ngày 28/02/2020 giữa ông Vũ TA, bà Nguyễn Thị B với Quỹ tín dụng TA, hợp đồng được lập tại Văn phòng công chứng Quang Linh, thế chấp Quyền sử dụng đất diện tích 93m^2, tại thửa số 341, tờ bản đồ số 41, địa chỉ thửa đất: khu dân cư Trình Ngư, thị trấn TT, huyện HL, tỉnh Ninh Bình cùng toàn bộ các tài sản gắn liền trên đất là nhà 3 tầng, công trình phụ khép kín, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 856037 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Bình cấp ngày 05/12/2019 mang tên ông Vũ TA và bà Nguyễn Thị B.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, Quỹ tín dụng TA đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giải ngân cho ông Vũ TA, bà Nguyễn Thị B cụ thể ngày 17/3/2024 số tiền giải ngân là 300.000.000 đồng và ngày 09/10/2023 số tiền giải ngân là 500.000.000 đồng. Tổng số tiền đã giải ngân là 800.000.000 đồng được thể hiện bằng các Giấy lĩnh tiền vay, Giấy nhận nợ có chữ ký, chữ viết họ tên của bà Nguyễn Thị B. Nội dung thỏa thuận của các bên về số tiền vay, thời hạn vay, mục đích, lãi suất vay, phương thức trả nợ và việc trả nợ gốc, nợ lãi phù hợp với quy định của pháp luật. Như vậy các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng bà B, ông TA đã vi phạm các thỏa thuận hợp đồng tín dụng đã ký với Quỹ tín dụng TA, vợ chồng bà B mới trả lãi của hợp đồng 5912 theo thỏa thuận đến ngày 25/11/2023 và trả gốc được số tiền 148.100 đồng, số tiền nợ gốc còn lại là 299.851.900 đồng và đã trả lãi theo thỏa thuận của hợp đồng 6237 đến ngày 11/12/2023 và trả số tiền gốc là 2.700 đồng, còn số tiền nợ gốc là 499.007.300 đồng, vợ chồng bà B chưa thanh toán.

Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng số 5912, nên Quỹ tín dụng TA căn cứ theo quy định tại điểm 5.2.3 Điều 5 Hợp đồng: *khi bên vay vốn có một*

khoản nợ bị chuyển nợ quá hạn thì bên cho vay sẽ đồng thời chuyển tất cả các khoản nợ chưa đến hạn (nếu có) sang nhóm nợ trong hạn tương ứng với nhóm nợ của khoản nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn.

Căn cứ bảng kê việc tính lãi của Quỹ tín dụng nhân dân TA tính khoản tiền nợ gốc và còn nợ lãi tính đến ngày 11/12/2024 của hai hợp đồng phù hợp với mức lãi suất theo hai hợp đồng và mức lãi suất có điều chỉnh và được tự động điều chỉnh tăng hoặc giảm theo thông báo của bên cho vay tại từng thời điểm.

Do đó, Quỹ tín dụng TA yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị B và ông Vũ TA phải có nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho Quỹ tín dụng TA số tiền còn nợ tính đến ngày 11/12/2024 là: 917.783.655 đồng, trong đó nợ gốc là 799.849.200 đồng, nợ lãi 117.934.455 đồng.

- Cụ thể: hợp đồng tín dụng số 5912 ngày 17/03/2023 số tiền là 350.099.025 đồng, (nợ tiền gốc là: 299.851.900 đồng, tiền lãi là: 50.247.125đ);

- Hợp đồng tín dụng số 6237 ngày 09/10/2023 số tiền là 567.684.630 đồng, (nợ tiền gốc là: 499.997.300 đồng, tiền lãi là: 67.687.330 đồng) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 5912 ngày 17/3/2023 và hợp đồng tín dụng số 6237 ngày 09/10/2023 và mức lãi suất có điều chỉnh và được tự động điều chỉnh tăng hoặc giảm theo thông báo của bên cho vay tại từng thời điểm cho đến khi thanh toán hết nợ.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị B và ông Vũ TA phải trả cho Quỹ tín dụng TA toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến hết ngày 11/12/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) là 917.783.655 đồng, (trong đó nợ gốc là 799.849.200 đồng, nợ lãi 117.934.455 đồng), là hoàn toàn có căn cứ đúng pháp luật.

[2.2]. Xét về nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

Bà B trình bày gia đình bà đang gặp khó khăn không đủ điều kiện để trả nợ, xin được trả dần số tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng và xin miễn giảm toàn bộ số tiền lãi 117.934.455 đồng, nếu không gia đình bà B xin trả nợ trước 400.000.000 đồng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, phúc thẩm, bị đơn đưa ra ý kiến quan điểm của mình xin được miễn tiền lãi và trả trước số tiền 400.000.000 đồng, nhưng bị đơn cũng không thực hiện và nguyên đơn không chấp nhận. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bị đơn xin miễn giảm tiền lãi suất là không có căn cứ chấp nhận.

[2.3]. Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 18/2024/DS-ST ngày 11/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Ninh Bình).

2. Về án phí phúc thẩm: bị đơn bà Nguyễn Thị B, ông Vũ TA phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bị đơn đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002456 ngày 06/01/2025 Chi cục thi hành án dân sự thành phố HL, tỉnh Ninh Bình.

3. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 08 tháng 9 năm 2025.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Ninh B;
- Phòng GĐKT, TT & THA;
- TAND khu vực 1 - Ninh B;
- THADS tỉnh Ninh B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa Dân sự;
- Lưu HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Thị Sâm